

SINH KẾ CỦA NGƯỜI CƠ LAO Ở VÙNG BIÊN GIỚI TỈNH HÀ GIANG: TRUYỀN THỐNG VÀ BIẾN ĐỔI (Nghiên cứu tại xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì)¹

ThS. Lục Mạnh Hùng
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, sinh kế truyền thống của người Cơ Lao ở vùng biên giới phía tây tỉnh Hà Giang đã có những biến đổi tuy chưa toàn diện, nhưng đã thể hiện những thích nghi của tộc người này với đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống đương đại. Điều này rất có ý nghĩa đối với người Cơ Lao - một tộc người có dân số ít ở nước ta, đã và đang phải đối mặt với tình trạng đói nghèo, khó khăn trong phát triển. Do vậy, bài viết này tập trung nêu lên những biến đổi về sinh kế, đồng thời góp phần làm phong phú thêm sự hiểu biết về người Cơ Lao ở Việt Nam hiện nay - dân tộc còn ít được nghiên cứu so với một số dân tộc thiểu số khác ở nước ta.

Từ khóa: Sinh kế, truyền thống, biến đổi, người Cơ Lao, Hoàng Su Phì, Hà Giang

Ngày nhận bài: 13/8/2018; ngày gửi phản biện: 28/8/2018; ngày duyệt đăng: 12/10/2018

1. Đặt vấn đề

Cơ Lao là một trong 15 dân tộc có dân số ít ở Việt Nam hiện nay, cư trú tập trung tại hai huyện Đồng Văn và Hoàng Su Phì, ngoài ra còn sống rải rác ở các huyện Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ của tỉnh Hà Giang. Dân tộc Cơ Lao thuộc nhóm ngôn ngữ Kadai cùng với các dân tộc La Chí, La Ha và Pu Páo. Theo thời gian, dân số của người Cơ Lao ở nước ta ngày càng tăng: năm 1974 chỉ có 929 người, đến năm 1989 tăng lên 1.473 người (Khổng Diễm, 1995, tr. 298-307), năm 1999 có 1.822 người và năm 2009 có 2.644 người (Niên giám thống kê tỉnh Hà Giang, 2016).

Người Cơ Lao ở nước ta cùng nguồn gốc với những người đồng tộc ở Quý Châu (Trung Quốc). Qua những thời kỳ lịch sử, các nhóm Cơ Lao từ Quý Châu đã di cư dần xuống phía nam rồi vào Việt Nam². Theo nhiều nhà khoa học, người Cơ Lao ở nước ta có thể chia thành 3 nhóm: Cơ Lao Đỏ, Cơ Lao Trắng và Cơ Lao Xanh. Khi phỏng vấn, ông Min Phà Kháy (sinh năm 1966), Trưởng thôn Tà Chải, xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì cho biết: “Gọi là Cơ Lao Xanh vì trước đây đàn ông nhóm này mặc áo dài màu xanh, gọi là Cơ Lao Trắng vì họ có phong tục dùng khăn trắng chịu tang người chết, gọi là Cơ Lao Đỏ vì trước đây phụ nữ mặc váy thêu chỉ đỏ”. Về dân số, nhóm Cơ Lao Đỏ

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Bộ “Đặc trưng văn hóa của hai dân tộc Lô Lô và Cờ Lao ở vùng biên giới tỉnh Hà Giang” do TS. Trần Thị Mai Lan và ThS. Đoàn Việt làm Đồng chủ nhiệm.

² Người Cơ Lao ở Việt Nam vốn từ Trung Quốc di cư sang cách đây khoảng 200 năm và diễn ra ở các thời điểm khác nhau. Những người Cơ Lao đầu tiên tới Việt Nam sớm nhất cách đây khoảng từ 150 đến 200 năm. Những đợt di cư cuối cùng của họ đã chấm dứt cách đây khoảng 60 - 80 năm (Nguyễn Văn Huy, 2005, tr. 36).

đồng nhất, cư trú tập trung ở xã Túng Sán (huyện Hoàng Su Phì) và các xã Phố Là (huyện Đồng Văn), Na Khê (huyện Yên Minh), Cán Tỷ (huyện Quản Bạ) của tỉnh Hà Giang.

Xã Túng Sán là một trong những xã vùng sâu, vùng xa của huyện Hoàng Su Phì, nằm gần biên giới Việt - Trung. Theo chiết tự, tên Túng Sán mang nghĩa là ngọn núi phía đông. Nằm trọn trong khu vực núi cao thuộc thượng lưu sông Chảy với những đỉnh núi cao thuộc dãy Tây Côn Lĩnh, địa hình của Túng Sán có độ dốc lớn và bị nhiều con suối chia cắt khiến giao thông đi lại khó khăn. Đường liên thôn, liên xã chủ yếu là đường dân sinh cắt ngang qua các sườn núi đất dốc, nhiều khe lạch. Khí hậu nơi đây rất khắc nghiệt với hai mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 và thường xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất; mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau kèm theo hạn hán, rét đậm kéo dài, đôi khi có mưa tuyết, gây khó khăn cho phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Nhiều thế kỷ qua, Túng Sán là vùng đất tập trung đông đúc người Cơ Lao Đỏ, năm 2015, xã Túng Sán có 195 hộ với 982 nhân khẩu, sống rải rác ở 6 thôn, chiếm 31% dân số toàn xã. Đến nay, người Cơ Lao nơi đây đã có sự tiếp biến văn hóa với một số dân tộc láng giềng, bao gồm cả văn hóa sản xuất, đảm bảo đời sống. Họ đã và đang nắm bắt cơ hội từ sự quan tâm đầu tư của Chính phủ để tạo sức bật cho mình, cùng các dân tộc anh em góp phần phát triển vùng biên giới phía tây Hà Giang. Trong tiến trình ấy, hoạt động kinh tế của họ đang có nhiều biến đổi với những chiều hướng khác nhau, đặt ra nhiều vấn đề cần phải được quan tâm giải quyết nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở vùng người Cơ Lao nói riêng, vùng dân tộc thiểu số giáp biên ở tỉnh Hà Giang nói chung.

2. Đặc điểm sinh kế truyền thống của người Cơ Lao

2.1. Hoạt động kinh tế nông nghiệp

Giống như nhiều dân tộc thiểu số ở miền núi, đặc điểm kinh tế cơ bản của người Cơ Lao xưa kia là tự cấp tự túc, nhu cầu trao đổi hàng hóa không cao. Song, hoạt động kinh tế truyền thống cũng tương đối phong phú, theo Đề án phát triển kinh tế - xã hội năm 2012 của UBND xã Túng Sán, hoạt động trồng trọt chiếm trên 70% tổng thu nhập của các hộ gia đình. Do địa bàn cư trú phân tán và khác biệt về điều kiện tự nhiên trong khi dân số không nhiều nên các nhóm Cơ Lao ở Hà Giang có những cách khác nhau trong sinh kế, đặc biệt là về nông canh. Nhóm Cơ Lao Xanh và Cơ Lao Trắng ở hai huyện Đồng Văn, Mèo Vạc sống dựa chủ yếu vào nương định canh bằng thổ canh hốc đá với cây lương thực chính là ngô. Ngược lại, nhóm Cơ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì và Yên Minh, do có nhiều núi đất và thung lũng nên chủ yếu làm ruộng nước, nương rẫy giữ vai trò thứ yếu. Hơn nữa, đất đai, khí hậu ở Hoàng Su Phì khá thuận lợi nên người Cơ Lao còn phát triển cây chè, thảo quả, nghề rừng và chăn nuôi.

Phần lớn diện tích ruộng nước của người Cơ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì mà chủ yếu là ở Túng Sán thuộc ruộng bậc thang, cây trồng chính là lúa. Để khai phá ruộng bậc thang người dân chọn những quả đồi có độ dốc thấp, đỉnh bằng và còn rừng. Họ vừa theo dõi sự tăng trưởng của lúa vừa chăm sóc lúa theo định kỳ, điều tiết để nước ổn định cũng như thả cá chép xuống ruộng để cá ăn sâu bọ, sục bùn cho lúa. Lợi dụng các sườn núi đất, họ đào mương, bắc máng dẫn nước từ những mớ nước, mạch nước từ các đỉnh núi, sườn núi vào ruộng lúa, về tận nhà để phục vụ sinh hoạt và cho vào các ao nuôi cá giống. Qua phỏng vấn và theo ý kiến của người dân, trước đây họ rất chú ý đến thủy lợi, nhưng mỗi năm vẫn chỉ làm được một vụ lúa vì phụ thuộc cả vào nước mưa, năng suất và sản

lượng lúa thấp, bình quân đầu người ở Túng Sán trước năm 1986 chỉ đạt 170 kg/năm, tức 14,2 kg/tháng. Trong năm, các hộ thường thiếu lương thực khoảng 3 - 4 tháng vào các tháng giáp hạt.

Ngoài ra, người dân còn trồng các loại cây củ quả, hoa màu vào vụ chiêm và vụ đông trên những mảnh nương định canh, nhằm đảm bảo tính đa dạng sinh học của một nền nông nghiệp chống chịu với thiên nhiên. Theo thống kê của Trần Bình, tại xã Túng Sán, tính đến thời điểm năm 2003 người Cơ Lao trồng 25 loại cây khác nhau (Trần Bình, 2012, tr. 65-66). Hầu hết các cây trồng đó đều được lựa chọn và gieo trồng qua nhiều thế hệ nên có tính thuần chủng cao, ít bị sâu bệnh, thích ứng với điều kiện khí hậu địa phương nhưng năng suất không cao lắm. Hình thức đổi công trong vụ mùa tương đối phổ biến, đặc biệt khi gieo hạt và vun gốc, thu hoạch. Tháng 3, tháng 4 và tháng 8 Âm lịch hàng năm là thời điểm người dân quan tâm chăm sóc các loại cây trồng trên nương.

Ở Túng Sán, căn cứ vào cây trồng, người Cơ Lao phân đất đai thành các loại: đất trồng lúa gồm ruộng bậc thang (*nấu thi thên*), ruộng bằng (*phén thên*), ruộng chân núi (*woa sur thên*), ruộng lẫn đá (*sur kha ná thên*), ruộng đất vàng (*khoang nhi thên*); đất trồng ngô có ruộng đất đen (*khên hi pá cháy thá sai hau*), ruộng đất vàng (*khang nhi phá sà zê*) và nương trồng chè xen với ngô (*sur khá na cháy sur khau*). Họ rất giỏi trồng xen canh các loại rau, đậu. Do vườn nhà chủ yếu trồng cây gia vị, nên các loại đậu đều trồng trên nương như đậu răng ngựa, đậu Hà Lan, đậu cô ve, đậu tương; ngoài ra họ còn trồng các loại rau bí, rau cải, rau dền,... Bên cạnh đó, người Cơ Lao còn trồng một số cây ngăn ngày như lanh, thuốc Lào, một vài cây dược liệu như xuyên khung, tam thất, đỗ trọng,... Quanh nhà, các gia đình còn trồng đào, mận, lê và các loại cây lấy gỗ, nhất là thông, tre, mai cùng những cây gia vị (ớt, gừng, nghệ,...). Cây trồng đa dạng khiến nông lịch của đồng bào rất phong phú. Tuy người Cơ Lao trồng trọt quanh năm nhưng thời gian chăm sóc cây trồng chủ yếu vào mùa mưa, còn mùa khô họ thường làm các công việc phi nông nghiệp và tổ chức nghỉ lễ. Từ tháng 10 đến tháng Chạp hàng năm là thời điểm nông nhàn, đồng bào tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng như lễ hội, cưới xin, dựng nhà, làm ma khô,...

Nơi sinh sống của người Cơ Lao thuận lợi cho phát triển chăn nuôi, nhất là các loại gia súc lớn có sừng. Theo Trần Bình, những gia đình Cơ Lao khá giả ở Hoàng Su Phì đều có nguồn thu nhập từ chăn nuôi chiếm trên 30% tổng thu nhập của hộ (Trần Bình, 2012, tr. 85-86). Người ta có thể dễ dàng phân biệt sự giàu - nghèo qua chuồng gia súc và vật nuôi của gia đình. Do đời sống kinh tế còn nghèo, bò và lợn được cho là tài sản giá trị nhất trong nhà. Người Cơ Lao Đồ trước đây quan niệm gia đình nào có nhà ba gian thưng ván, 1 - 2 con bò, 2 - 3 con ngựa, có lợn giết thịt vào dịp Tết, có đất sản xuất thì được coi là giàu. Do đó, người Cơ Lao rất quan tâm phát triển đàn gia súc của mình. Họ đã biết nuôi nhốt chuồng trại, đoạn tuyệt với lối chăn thả tự do - điều vốn phổ biến trong truyền thống chăn nuôi ở nhiều dân tộc thiểu số. Các giống vật nuôi chủ yếu mua ở chợ thay vì nhân giống đại trà ở các gia đình, nên họ ít nuôi lợn đen. Với kinh nghiệm của mình, người Cơ Lao luôn chọn được giống tốt và thường nuôi lợn đen, ít nuôi các giống lợn lai, lợn trắng. Để thể hiện tài năng chăn nuôi, tại các buổi chợ phiên ở xã và trung tâm huyện, người Cơ Lao còn trưng bày bò, ngựa đẹp với các dân tộc khác.

Người Cơ Lao ở xã Túng Sán còn biết nuôi thả cá chép trong ruộng lúa. Học tập kinh nghiệm của người Tày hoặc Dao láng giềng, ở mỗi thửa ruộng bậc thang, họ đào một hố tại góc thấp nhất làm nơi cho

cá trú ngụ. Tùy diện tích từng thửa ruộng mà có thể nuôi 3 - 10 con. Trước khi thu hoạch lúa, vào khoảng tháng 8 đến tháng 9 thì tháo hết nước trong ruộng để bắt cá, chọn những con to để lại làm giống.

2.2. Hoạt động kinh tế phi nông nghiệp

Thủ công nghiệp của người Cơ Lao xưa kia gồm dệt vải, rèn sắt, làm đồ gỗ, đan lát mây tre, trong đó phổ biến và nổi tiếng nhất là đan lát và làm đồ gỗ. Người đan chủ yếu là đàn ông với các sản phẩm phen, cốt, nong, bồ...; còn sản phẩm đồ gỗ là bàn, hòm, yên ngựa, quan tài,... Đặc biệt, nhiều người còn làm nghề rèn theo mùa, chủ yếu sửa chữa công cụ sản xuất như dao, cuốc, cày, bừa,... Ngoài mục đích phục vụ nhu cầu gia đình, người Cơ Lao còn đem các sản phẩm thủ công đi trao đổi ở chợ. Một số sản phẩm của họ được các dân tộc khác ưa thích bởi được làm chắc chắn, vừa bền, vừa đẹp, nhất là các dụng cụ chuyên chở và đồ đựng như gùi, sọt, nong, nia, mẹt, sàng,...

Chợ liên xã Tùng Sán có quy mô khá lớn và họp theo phiên - nơi người Cơ Lao có thể tham gia trao đổi, buôn bán với giá cả tốt nhất. Họ cũng đi tới các chợ lân cận để tìm kiếm thêm thị trường, thậm chí còn đi đến chợ thị trấn Hoàng Su Phì cách nơi ở của họ 20km đường mòn. Vào mùa vụ họ ít đi hơn, phần vì bận sản xuất, phần vì trời mưa đường sá đi lại khó khăn.

Bên cạnh đó, kinh tế tự nhiên cũng giúp đảm bảo an ninh lương thực và ổn định chất lượng bữa ăn hàng ngày của người Cơ Lao. Xã Tùng Sán có địa hình núi đất với độ dốc lớn tạo ra nhiều khe suối từ trên núi chảy xuống, như khe Phìn Sur Chải, Tùng Quá Lìn... chảy vào suối Nậm Khúc. Đây là môi trường phát triển của các loại cá, tôm, cua, ốc... tạo điều kiện cho hoạt động đánh bắt thủy sản. Các gia đình Cơ Lao ở Tùng Sán đều có lưới đánh cá (*làn hồ guăng*), chài (*guăng*), cần câu (*tiểu y*). Hàng năm, một gia đình có thể đánh bắt được khoảng 10kg cá, cua, ếch, ốc (Trần Bình, 2012, tr. 115).

Ngoài ra, người Cơ Lao trước đây cũng dành nhiều thời gian cho săn bắn, hái lượm. Rừng ở Hoàng Su Phì còn nhiều và phong phú chủng loại động thực vật hơn rừng ở các huyện phía bắc của tỉnh Hà Giang. Việc săn bắn động vật hoang dã do vậy thuận lợi hơn so với các huyện ở cao nguyên đá, song do diện tích rừng tự nhiên nhìn chung không nhiều nên hoạt động này có vị trí ít nổi trội so với hái lượm. Để cải thiện bữa ăn hàng ngày, phụ nữ Cơ Lao thường tùy từng mùa trong năm mà thu hái các loại rau xanh, măng, nấm, mộc nhĩ,... Đến nay, nguồn cây thuốc chữa bệnh đáng kể vẫn đang lưu truyền và sử dụng trong cộng đồng người Cơ Lao, được thu hái từ rừng, gồm các loại cây, lá, rễ, hoa, quả, củ,... Đây là những loại thuốc để phòng và chữa các bệnh thông thường như: đau bụng, đau xương, đau lưng, mụn nhọt, ghẻ lở, rần cấn, bại liệt, gãy xương, đau đầu, thuốc cho sản phụ,...

3. Những biến đổi trong sinh kế của người Cơ Lao

3.1. Biến đổi trong hoạt động nông nghiệp

Sau Cách mạng tháng Tám, cuộc sống của người Cơ Lao nói chung và người Cơ Lao Đỏ ở Hoàng Su Phì nói riêng đã thay đổi sâu sắc. Thời bao cấp, hầu hết đồng bào được lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập, các hợp tác xã mua bán, mạng dịch quốc doanh ở vùng cao đã cung cấp cho người Cơ Lao một số mặt hàng thiết yếu như vải, muối, dầu, thuốc lá, xà phòng và các sản phẩm công nghiệp khác.

Bước vào thời kỳ Đổi mới, qua giao lưu với các dân tộc cũng như sự tích lũy vốn xã hội, nhận thức của người Cơ Lao về vai trò sản xuất, về giàu - nghèo của bản thân và gia đình đã có sự thay đổi. Tuy vẫn quan niệm về sự giàu có là nhà có nhiều người làm, có nhiều ruộng nương, đủ ăn quanh

năm, có từ 3 - 5 con bò, 4 - 5 con lợn, nhà ba gian với sàn gỗ và lợp ngói, hàng năm cúng giỗ tổ tiên to,... Song, không chỉ đơn thuần là những yếu tố đó nữa mà giàu có là phải có nhiều vốn, biết tính toán trong làm ăn, đẻ ít con, ăn tiêu tiết kiệm,...

Do sống ở miền núi và gắn bó mật thiết với đất đai nên trồng trọt vẫn luôn là hoạt động kinh tế trọng điểm của các hộ gia đình Cơ Lao. Các ngành kinh tế khác như chăn nuôi, thủ công gia đình, buôn bán... chỉ đóng vai trò bổ trợ. Hiện nay, sự thay đổi về giống cây trồng không chỉ thúc đẩy bởi thị trường và nhu cầu tăng thu nhập, mà còn do chính sách, pháp luật của Nhà nước, như việc trồng cây thuốc phiện đã hoàn toàn bị loại bỏ. Thổ nhưỡng ở Hoàng Su Phì thích hợp cho việc chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng dễ dàng với việc sử dụng đa dạng các kỹ thuật cần thiết. Khác với cây ngô ở vùng núi đá Đồng Văn, Mèo Vạc - bị gắn chặt cả về thời vụ lẫn năng suất vào những hốc đá và rất ít thay đổi về kỹ thuật gieo trồng, người Cơ Lao ở Hoàng Su Phì ngày càng trồng nhiều giống lúa mới cho năng suất cao. Vào đầu những năm 2000, người dân ở xã Túng Sán đã trồng 70% giống lúa mới, chỉ còn 30% giống lúa cũ. Những cây trồng mới, nhất là chè và thảo quả đã đem lại giá trị kinh tế cao cho các nông hộ. Trong khi trước đây, người Cơ Lao ở đây chỉ biết hái thảo quả có sẵn ở rừng để bán, tức chưa tự sản xuất như hiện nay.

Do hạn chế về đất canh tác, nên việc xen canh hiện nay càng phổ biến đối với người Cơ Lao. Việc xóa bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung với sự thay đổi đáng kể là đất rừng được giao cho các hộ gia đình quản lý đã tạo điều kiện cho người dân trồng ngô xen vào những đồi chè. Sự tăng cường quyền sử dụng đất đai đã dẫn đến việc nhà ở, chuồng trại chăn nuôi, vườn tược cũng được làm ngay trong khu vực ruộng bậc thang.

Nếu trước kia, công đoạn chăm sóc cây trồng chủ yếu được thực hiện ở các cây lương thực, thì nay người dân đã dành nhiều thời gian hơn cho việc thâm canh các loại cây trồng khác, trong đó, hoa màu đã trở thành loại cây mang lại nguồn thu chính về tiền mặt. Tại xã Túng Sán hiện nay, một số cây trồng mới như ngô lai, sắn cao sản, chè, thảo quả... mang tính chất hàng hóa đang được người Cơ Lao quan tâm. Việc trồng lúa ruộng tuy đã có sự hỗ trợ của kênh mương kiên cố, nhưng vẫn chưa đáp ứng được 2 vụ/năm bởi thiếu hệ thống tích trữ nước đủ lớn. Vì vậy, mọi hoạt động trồng trọt của người dân đều diễn ra trong mùa mưa. Cơ giới hóa nông nghiệp cũng gặp khó khăn do máy móc không tương thích với địa hình, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng cao, chưa mang lại hiệu quả kinh tế so với dùng trâu, bò cày.

Biến đổi khí hậu những năm gần đây đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên. Đầu năm 2016, toàn xã Túng Sán có trên 260ha thảo quả thiệt hại do băng tuyết, gần 70% diện tích bị chết, gây thiệt hại lớn cho người dân. Đó là chưa kể đến những hiện tượng diễn ra suốt nhiều năm như sạt lở đất, lũ quét... phá hủy nhiều diện tích đất gieo trồng, từ đó làm giảm năng suất, sản lượng lương thực của người dân. Biến đổi khí hậu còn gây biến đổi đặc tính và làm suy thoái đất, ảnh hưởng đến sinh trưởng các loại cây trồng, nhiều loại cây không thích ứng kịp với sự bất thường của thời tiết.

Thị trường tiêu thụ không ổn định và quan niệm lấy lúa nước làm trọng cũng là một nguyên nhân khiến cho sản xuất nông sản hàng hóa còn rất bấp bênh. Xã Túng Sán có thổ nhưỡng và khí hậu rất phù hợp cho trồng cây chè Shan Tuyết. Hàng trăm năm qua, cây chè này đã được người dân nơi

đây gieo trồng. Vì vậy, đa phần diện tích chè ở Túng Sán hiện là chè Shan tuyết cổ thụ có tuổi đời hàng trăm năm, nên chất lượng chè được người dân trong huyện đánh giá rất cao, hơn hẳn chè ở nhiều xã khác trong và ngoài huyện. Hiện loại cây công nghiệp này đã giúp nhiều địa phương ở huyện Hoàng Su Phì và trong tỉnh thoát nghèo, thậm chí làm giàu; nhưng nay vẫn chưa được nhiều người dân Túng Sán quan tâm. Nguyên nhân một phần vì giá chè không ổn định nên người dân mất niềm tin vào thị trường, nhưng phần khác quan trọng hơn là do họ chưa nhận thức được giá trị kinh tế mà cây chè có thể đem lại trong xóa đói, giảm nghèo bền vững.

Chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi đại gia súc thành hàng hóa mang lại thu nhập cho người dân đã khiến cho xu hướng chăn nuôi đặc biệt là nuôi dê và bò ngày càng trở nên phổ biến ở người Cơ Lao. Một điển hình gần đây là mô hình nuôi dê sinh sản cho vùng dân tộc Cơ Lao tại 5 thôn là: Hợp Nhất, Phìn Sur, Túng Quá Lìn, Khu Trù Sán, Tà Chải thuộc xã Túng Sán đã cung cấp 252 con dê (248 con cái và 4 con đực) cho 124 hộ có kinh nghiệm chăn nuôi, có điều kiện đầu tư chuồng trại đảm bảo, nhiệt tình hưởng ứng việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (UBND xã Túng Sán, 2017). Ngoài hỗ trợ dê sinh sản, Nhà nước còn cung ứng hỗ trợ về thức ăn gia súc. Hộ gia đình nuôi đợt đầu tiên sau khi dê sinh sản sẽ chuyển sang hộ tiếp theo. Điều này, góp phần hướng tới mục tiêu xóa đói giảm nghèo, làm thay đổi nhận thức của người Cơ Lao về phát triển kinh tế - xã hội, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Chăn nuôi dần thoát khỏi ý nghĩa là hoạt động kinh tế phụ bổ trợ cho trồng trọt, mà thực sự trở thành ngành sản xuất cung cấp nguồn hàng hóa cho thị trường nơi đây.

3.2. Biến đổi trong thủ công nghiệp

Với sự phát triển của thông thương và đường sá đi lại, nghề mộc của người Cơ Lao ở xã Túng Sán có xu hướng hồi phục và phát triển, song vẫn chỉ trong phạm vi cộng đồng là chính. Sản phẩm mộc gồm những đồ vật vuông thành, sắc cạnh, ít mang tính thẩm mỹ hay nghệ thuật, tính chuyên dụng của đồ nghề không cao. Như đã đề cập, hầu hết nam giới biết đóng các đồ gỗ thông thường như cày bừa, bàn ghế, yên ngựa, thùng đựng nước, chậu gỗ, chõ xôi, hòm đựng quần áo,... Sản phẩm gỗ đáng kể nhất của họ chính là những bộ khung nhà, phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong gia đình và thôn bản, ít được bán ra thị trường. Trước đây, có nhiều cụ già ở Túng Sán làm được thùng đựng nước bằng gỗ ngọc am, gỗ pơ mu để bán ở chợ Hoàng Su Phì, nhưng nay đã bỏ nghề do gỗ ngọc am, pơ mu cạn kiệt trong khi thùng nhựa, thùng tôn bán ở chợ nhiều và rẻ. Sự thiết kế đơn giản và kinh nghiệm hạn chế trong việc trang trí, đánh véc-ni, sơn các sản phẩm làm ra khiến cho sản phẩm mộc của người Cơ Lao chưa tạo được điểm nhấn giúp nâng cao giá trị. So với nghề mộc, đan lát của người Cơ Lao nay được thị trường biết đến một chút, với các sản phẩm gùi, sọt, nong, nia, mẹt, thúng, mủng,... Song, tính thương mại chưa đáng kể, mỗi thôn chỉ còn vài cụ già có thể đan được các sản phẩm truyền thống chất lượng.

Một số nghề thủ công truyền thống khác có dấu hiệu mai một. Trước đây, phụ nữ người Cơ Lao biết dệt vải từ lanh, nhưng nay do vải ở thị trường rẻ và nhiều nên họ không trồng nhiều lanh, chỉ trồng một ít để dùng khi có việc. Nghề rèn sắt mai một đi nhiều bởi các sản phẩm rèn rẻ tiền có bán ngoài chợ. Với nghề nấu rượu, trong khi rượu ngô là mặt hàng sinh lợi cho nhiều gia đình Cơ Lao ở Đồng Văn thì đối với người Cơ Lao ở Hoàng Su Phì chủ yếu vẫn phục vụ nhu cầu tiêu dùng tại chỗ.

3.3. Biến đổi trong hoạt động kinh tế tự nhiên

Sống ở vùng rừng núi và gần bó với rừng, kinh tế tự nhiên hiện nay tuy vẫn còn tồn tại nhưng có vị trí ngày càng mờ nhạt so với trước. Không như một số cộng đồng tộc người thường du canh du cư, người Cơ Lao ở Túng Sán từ lâu đã lấy việc định canh định cư làm nền tảng kinh tế nên họ rất có ý thức bảo vệ các nguồn tài nguyên tại chỗ. Họ chấp hành tương đối nghiêm những quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng và đa dạng sinh học của môi trường tự nhiên. Về hái lượm, rừng vẫn là nguồn cung cấp rau xanh, các loại lâm sản quý, các cây cỏ làm thuốc chữa bệnh,... Việc duy trì phần lớn các quan niệm dân gian về phòng và chữa bệnh song hành với hệ thống y tế nhà nước khiến vai trò của thầy lang trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng còn được khẳng định. Trong mỗi thôn bản thường có 1 - 2 thầy lang chuyên đi thu hái dược liệu trong rừng về làm thuốc nam, và cũng chỉ những người này có thể kiếm được thu nhập từ các loại dược liệu.

Ngoài ra, sự phát triển các hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp khác cũng khiến người dân địa phương giảm dần sự phụ thuộc vào tài nguyên rừng và những nguồn lợi khác trong tự nhiên. Việc thay đổi này đã khiến cho vườn được hình thành và mở rộng để bù đắp nguồn thực phẩm mà việc hái lượm giờ đây không đáp ứng được.

3.4. Biến đổi trong hoạt động dịch vụ

Nông nghiệp tuy vẫn giữ vị trí chủ đạo trong kinh tế hộ, nhưng người dân đã tiếp cận dần với thị trường qua mua bán những mặt hàng thiết yếu. Thời gian đầu, sự xuất hiện một số tư thương buôn bán nhỏ người miền xuôi đã đáp ứng phần nào nhu cầu kể trên. Những người này một mặt mang đến cho người Cơ Lao các hàng hóa tiêu dùng vốn rất khan hiếm trước đó, mặt khác cũng bắt đầu thu mua nông sản của người dân để cung ứng cho các cơ sở chế biến ở vùng thấp với nhu cầu thu mua hầu như không giới hạn. Đến nay, số gia đình Cơ Lao ở Túng Sán tham gia làm kinh tế dịch vụ đã tăng lên, không chỉ ở trung tâm xã mà còn có ở từng thôn bản với các loại dịch vụ như hàng tiêu dùng, thu mua nông sản, sửa chữa xe máy,... Các loại sản phẩm mà đại lý bán ra ngày càng đa dạng về chủng loại như thực phẩm, đồ dùng sinh hoạt,... Các mặt hàng do hộ sản xuất mang bán thường là nông sản, gia cầm, gia súc, một số loại rau quả như cải, đậu Hà Lan, mận, đào...; sản phẩm thủ công gia đình gồm cốt, mẹt, bịch, hòm, tủ, bàn ghế...; các loại thuốc nam như hoa lang, rễ đắng,... Về nhu cầu mua của các hộ, như trước đây chủ yếu vẫn là những mặt hàng mà họ không thể hoặc ít sản xuất được như muối, mỡ ăn, mì chính, thuốc Lào, thuốc lá, quần áo, các giống vật nuôi, một số loại rau, ngô nấu rượu, các loại nông cụ gồm lưỡi cày, lưỡi cuốc, dao, liềm,...

Việc mua hàng hóa ở các đại lý, cửa hàng ngày càng mở rộng về quy mô, song cũng đang gặp không ít khó khăn. Theo nghiên cứu của Đặng Thành Trung, khi vào vụ, tư thương có thể thu mua của bà con tới vài tấn ngô, chè, thảo quả mỗi ngày. Vấn đề là việc mua bán ở đây hiếm khi sử dụng tiền mặt, đa số người dân mua chịu, ghi nợ và hẹn đến mùa thu hoạch thì các chủ đại lý đến siết nợ với lãi suất không hề thấp. Thực tế ở Túng Sán cho thấy, việc kinh doanh theo hình thức dịch vụ không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Một số hộ gia đình mở dịch vụ bán phân đạm tại nhà, phục vụ nhu cầu của bà con trong thôn bản. Họ mua phân đạm chịu và trả tiền khi vào vụ thu hoạch. Nhưng gặp phải vụ mất mùa, đa số bà con không có khả năng thanh toán đã khiến cho các đại lý này phải ngừng hoạt động do không còn vốn (Đặng Thành Trung, 2016, tr. 65-66).

3.5. Biến đổi trong hoạt động làm thuê

Các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp khác ở người Cơ Lao nhìn chung đã có bước phát triển, trong đó có những lĩnh vực phi truyền thống. Không thể phủ nhận rằng công việc làm thuê, làm công ăn lương đã và đang đóng vai trò quan trọng trong thu nhập của người dân. Ngoài một số rất ít người Cơ Lao đang làm công chức, viên chức nhà nước, theo thống kê của xã Túng Sán đến năm 2012 có tổng cộng 17 người tham gia hoạt động làm thuê trên toàn tỉnh, có thể kể đến nhóm những người đi làm thuê hay mót quặng vào những lúc nông nhàn, mặc dù những nguồn thu nhập từ các công việc này không đáng kể và không ổn định. Nhiều năm qua, tại mỏ quặng Angtimon ở xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh vẫn thường có người Cơ Lao ở Yên Minh hoặc Hoàng Su Phì tự đến bãi thải của mỏ vào ban đêm để mót quặng. Mỗi người một ngày mót được 3 - 8kg, với giá thu mua 10 - 15 nghìn đồng/kg, một người có thể kiếm được 50 - 100 nghìn đồng/ngày. Thu nhập không thực sự cao, mà còn tiềm ẩn nguy cơ tai nạn lao động và những vấn đề khác.

Đem lại nhiều tiền mặt hơn cho người Cơ Lao lao động tự do là sang Ma Ly Pho (Trung Quốc) làm thuê hoặc định cư theo diện hôn nhân. Việc tìm kiếm thu nhập từ bên kia biên giới không quá khó khăn trong bối cảnh hiện nay đã thuận lợi cho tìm hiểu, tiếp cận thông tin hoặc tìm gặp người sử dụng lao động. Qua kết quả điền dã năm 2018 cho thấy, chỉ riêng thôn Tà Chải ở xã Túng Sán: năm 2016 có 48 người Cơ Lao qua biên giới làm thuê (35 nam, 13 nữ); năm 2017 có 24 người; năm 2018 có 33 người. Theo đó, tổng cả 3 năm là 105 lượt người (trong đó có 2 phụ nữ lấy chồng Trung Quốc và không về lại Việt Nam). Công việc làm thuê bên Trung Quốc dành cho cả nam và nữ rất đa dạng, từ khâu vác, gặt, cấy, thu hoạch nông sản cho đến trông trẻ, giúp việc gia đình, lao động tại các xưởng hoặc cơ sở sản xuất, vận tải hàng hóa,... Thu nhập từ các công việc này không chỉ cao hơn hẳn việc làm thuê bình thường ở phía Việt Nam, mà còn có sẵn việc làm. Người dân thường đi vào mùa nông nhàn theo hai hình thức: (1) Bằng giấy thông hành như thăm người thân hoặc đi chợ, rồi ở lại lao động tại nước bạn; (2) Đi theo đường mòn, lối mở để vượt biên giới trái phép tìm việc làm. Công việc tuy nhiều nhưng không phải vô hạn, nhiều khi người ta quay về vì hết việc chứ không phải nhớ nhà hoặc vào vụ mùa. Ở Túng Sán vài năm gần đây chưa ghi nhận việc người Cơ Lao đi làm ở Ma Ly Pho liên tục từ vài tháng đến cả năm. Người lao động nhận tiền công là nhân dân tệ, đem về Việt Nam đổi lấy tiền đồng tại các khu chợ. Trong một năm, một người “chăm chỉ” đi lao động kiểu này có thể kiếm được 70 - 100 triệu đồng, bình quân là 10 - 15 triệu đồng, gấp khoảng 3 lần đi làm thuê bình thường trong nước.

4. Kết luận

Để hòa nhập với cơ chế thị trường, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu mới nảy sinh của đời sống, hoạt động mưu sinh của người Cơ Lao đã có nhiều biến đổi, đặc biệt là sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa và đa dạng hóa nguồn thu nhập. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, cơ cấu kinh tế của nông hộ nói chung chưa có sự chuyển biến về căn bản. Nông nghiệp vẫn là kinh tế mũi nhọn, trong khi các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp vẫn chỉ là nghề phụ, chưa tạo ra được nguồn thu nhập đáng kể và đang phát triển một cách hết sức khó khăn. Kinh tế nông nghiệp truyền thống tự cung tự cấp đã dần được thay thế bằng việc kết hợp với kinh tế phi nông nghiệp và thị trường.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động, giảm bớt áp lực dân số trên diện tích đất canh tác và tăng thu nhập cho nông hộ là những nhu cầu bức thiết hiện nay ở vùng người Cơ Lao. Có thể thấy, trong vấn đề cải thiện sinh kế, nguồn lực con người có ý nghĩa quyết định so với các nguồn lực khác. Điều này xuất phát từ thực tế là chất lượng nguồn lao động còn nhiều hạn chế cả về thể lực, trí lực lẫn kỹ năng lao động. Giải pháp cơ bản nhất là tập trung nâng cao kiến thức, trình độ năng lực sản xuất cho đồng bào. Trước hết cần tổ chức có hiệu quả hoạt động khuyến nông - khuyến lâm; các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm làm ăn, các mô hình sản xuất hiệu quả của chính dân tộc Cơ Lao và các dân tộc láng giềng; tăng cường đội ngũ cán bộ kỹ thuật hướng dẫn người dân cách làm ăn nhằm tạo cho đồng bào ý thức áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất từ thực tế. Vấn đề này đặt ra không chỉ với người dân mà ngay cả hệ thống chính trị cơ sở mà cụ thể là xây dựng một đội ngũ cán bộ có năng lực thực thi hiệu quả, đảm bảo sự thành công của các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Dân tộc Hà Giang (2010), *Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Cơ Lao tỉnh Hà Giang*, tài liệu lưu trữ ở văn phòng UBND tỉnh Hà Giang.
2. Trần Bình (2012), “Đời sống kinh tế”, trong: Phạm Quang Hoan (Chủ biên), *Dân tộc Cơ Lao ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi* (Tái bản lần thứ nhất), Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
3. Khổng Diễn (1995), *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Huy (2005), *Từ Dân tộc học đến Bảo tàng Dân tộc học: Con đường học tập và nghiên cứu*, Tập 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Đặng Thành Trung (2016), *Ứng xử của người Cơ Lao với tài nguyên thiên nhiên trong hoạt động mưu sinh (Nghiên cứu trường hợp người Cơ Lao ở xã Túng Sán, huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang)*, Luận văn Thạc sĩ Dân tộc học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
6. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang (2015), *Báo cáo Sơ kết 3 năm thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc Cơ Lao tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011 - 2020*.
7. Ủy ban nhân dân xã Túng Sán (2017), *Báo cáo Kết quả thực hiện mô hình nuôi dê sinh sản cho vùng đồng bào dân tộc Cơ Lao tại thôn Túng Quá Lìn, Khu Trù Sán, Tả Chải, Phìn Sừ năm 2017*.
8. Viện Dân tộc học (2014), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Bắc)* (Tái bản có sửa chữa, bổ sung), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.